TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - LAI CHÂU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2026/DS- ST
Ngày: 15/5/2026
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - LAI CHÂU

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Phạm Thị Nga

- *Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Vàng Văn Ngọc, bà Lò Thị Thanh

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thúy Vân - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 1 - Lai Châu

Đại diện Viện kiểm sát nhân khu vực 1 - Lai Châu tham gia phiên toà: Bà Hoàng Thị Diệu Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 07/2025/TLST-DS ngày 18 tháng 12 năm 2025 về việc: *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2026/QĐXXST-DS ngày 17/4/2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Vũ Ngọc V, sinh năm 1960 (có mặt).

Địa chỉ: Số D, đường V, bản T, xã B, tỉnh Lai Châu.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thành T, sinh năm 1975

Địa chỉ: Tổ dân phố số B, phường Đ, tỉnh Lai Châu (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn ông Vũ Ngọc V trình trình bày:*

Năm 2016, do ông Nguyễn Thành T gặp khó khăn và có hỏi ông V vay tiền và ông V đã đồng ý cho ông T vay 02 lần tiền mặt tại nhà ông V, cụ thể: Lần 1 vào ngày 07/06/2016 với số tiền 80.000.000 đồng; Lần 2 vào ngày 06/07/2016 với số tiền 500.000.000 đồng. Tổng số tiền 02 lần vay là 580.000.000 đồng, các lần vay giữa ông V và ông T không thỏa thuận về lãi suất vay, thời hạn trả nợ, khi đó ông T hứa đến ngày 06/7/2017 sẽ trả cho ông V số tiền trên nhưng đến hẹn ông T không trả được cho ông V như đã thỏa thuận, nên ngày 14/11/2017 ông V có đến nhà ông T tại

Tổ B, phường Đ, tỉnh Lai Châu để đòi tiền. Sau đó giữa ông V và ông T cùng lập bản ghi nhớ thỏa thuận với nội dung cụ thể như sau:

- Tổng số tiền nợ gốc ban đầu là: 580.000.000 đồng *(Năm trăm tám mươi triệu đồng)*. Ông Vũ Ngọc V nhất trí của lãi suất 80.000.000 đồng của tháng thứ nhất (từ ngày 07/6/2016 đến 05/7/2016) không tính, chỉ tính lãi của số tiền 580.000.000 đồng từ ngày 06/7/2016 với mức lãi suất 10,5%/ năm.

- Tổng số tiền lãi 01 năm tính từ ngày 06/7/2016 đến ngày 06/7/2017 là: 10,5% x 580.000.000 = 60.900.000 đồng được tính như sau: Số tiền lãi một năm đầu tiên trên được chuyển thành gốc: 580.000.000 đồng + 60.900.000 đồng = 640.900.000 đồng. Tổng số nợ gốc tính đến ngày 06/07/2017 là: 640.900.000 đồng.

- Số tiền lãi tính từ 07/7/2017 đến 07/10/2017 của số nợ gốc 640.900.000 đồng là: 0,875%/ tháng x 640.900.000 đồng x 03 tháng = 16.823.625 đồng.

Cả hai cùng thống nhất số tiền lãi nêu trên được chuyển thành nợ gốc, tổng số tiền nợ gốc ông T nợ ông V tính đến ngày 07/10/2017 là: 640.900.000 + 16.823.625 = 657.723.625 đồng.

Hai bên thống nhất đến ngày 07/01/2018, ông T sẽ trả ông V toàn bộ số tiền gốc 657.723.625 đồng và tiền lãi. Đến ngày 07/01/2018 ông T không thực hiện như đã cam kết, kể từ đó mặc dù ông Vũ Ngọc V đã nhiều lần nhắn tin, gọi điện và đến nhà yêu cầu ông T trả nợ nhưng ông T đều xin khất nợ và hứa sẽ cố gắng thu xếp tiền để trả cho ông và ông V đồng ý. Nhưng đến nay đã quá lâu, ông T vẫn không thực hiện trả nợ cho ông.

Vì vậy, ông Vũ Ngọc V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Thành T phải trả cho ông số tiền gốc là 657.723.625 đồng và số tiền lãi tính từ ngày 14/11/2017 đến ngày 14/11/2025 là 96 tháng (tương đương 8 năm) với lãi suất 10,5%/năm là: 657.723.625 đồng x 8 năm x 10,5%/ năm = 552.487.845 đồng. Năm 2017, 2018 ông Nguyễn Thành T đã trả cho ông Vũ Ngọc V 02 lần tiền lãi, lần 1 số tiền 20.000.000 đồng, lần 2 số tiền 5.000.000 đồng với tổng số tiền là 25.000.000 đồng, cụ thể: số tiền lãi 552.487.845 đồng - 25.000.000 đồng = 527.487.845 đồng. Do đó, ông Vũ Ngọc V yêu cầu ông Nguyễn Thành T phải trả cho ông tổng số tiền cả gốc và lãi là 1.185.211.470 đồng (trong đó nợ gốc: 657.723.625 đồng, tiền lãi 527.487.845 đồng).

Tại phiên tòa nguyên đơn Vũ Ngọc V vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông Nguyễn Thành T phải trả cho ông số tiền nợ gốc 657.723.625 đồng và lãi suất 10,5%/năm, tính từ ngày 14/11/2017 đến ngày xét xử 15/5/2026 (là 3.105 ngày) = 587.491.355 đồng, trừ đi số tiền lãi mà ông T đã trả cho ông 25.000.000 đồng, số tiền lãi còn lại 562.491.355 đồng. Tổng cả gốc và lãi ông yêu cầu ông T phải trả cho ông tính đến ngày xét xử là 1.220.214.980 đồng (trong đó nợ gốc: 657.723.625 đồng, tiền lãi 562.491.355 đồng).

** Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Thành T trình bày:*

Năm 2016, ông Nguyễn Thành T cần tiền để đầu tư kinh doanh tại cửa khẩu M, nên ông đã đến nhà ông Vũ Ngọc V vay tiền với tổng số tiền gốc lúc đầu là 580.000.000 đồng/02 lần vay. Lần 1 vào ngày 07/6/2016 với số tiền vay 80.000.000 đồng, lần 2 vào ngày 06/7/2016 với số tiền vay là 500.000.000 đồng. Ông V đã trực tiếp đưa cho ông tiền mặt tại nhà ông V, các lần vay thì ông và ông V đều không thỏa thuận về lãi suất vay, thời hạn vay, ông chỉ hẹn với ông V đến ngày 06/7/2017 sẽ trả cho ông V toàn bộ tiền gốc và tiền lãi. Tuy nhiên, do việc làm ăn của ông thời điểm đó gặp khó khăn về kinh tế nên ông T không trả được tiền gốc và tiền lãi cho ông V. Đến ngày 14/11/2017 ông và ông V có lập biên bản ghi nhớ, hai bên cùng thỏa thuận. Nội dung thỏa thuận như sau: Lãi suất 80.000.000 đồng của tháng thứ nhất (từ ngày 07/6/2016 đến 05/7/2016 không tính, chỉ tính lãi của số tiền 580.000.000 đồng từ ngày 06/7/2016 với mức lãi suất 10,5%/ năm).

Số tiền lãi 01 năm là 60.900.000 đồng (từ ngày 06/7/2016 đến ngày 06/7/2017). Số tiền lãi trên được chuyển thành gốc: 580.000.000 đồng + 60.900.000 đồng = 640.900.000 đồng. Từ ngày 7/7/2017 đến ngày 7/10/2017 số tiền lãi: 640.900.000 đồng x 0.875%/ tháng x 3 tháng = 16.823.625 đồng. Đến ngày 07/10/2017 số tiền lãi trên được chuyển thành gốc: 640.900.000 đồng + 16.823.625 đồng = 657.723.625 đồng. Tại thời điểm lập biên bản ghi nhớ, ông T có cam kết đến ngày 07/01/2018, sau khi nhận được tiền bồi thường thủy điện ông T sẽ trả cho ông V toàn bộ số tiền gốc 657.723.625 đồng và tiền lãi. Đến năm 2017, 2018, ông T đã trả cho ông V 02 lần tiền lãi với tổng số tiền 25.000.000 đồng. Đến nay do công trình thủy điện vẫn chưa thanh toán tiền cho ông và hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn nên ông chưa có điều kiện trả tiền gốc và tiền lãi cho ông V. Ông T thừa nhận việc vay tiền của ông Vũ Ngọc V số tiền 657.723.625 đồng và ông có đề nghị ông V miễn toàn bộ tiền lãi và cam kết sẽ trả toàn bộ số tiền gốc là 657.723.625 đồng, được chia làm ba đợt:

+ Đợt 1: Ngày 01/10/2026 trả số tiền 80.000.000 đồng.

+ Đợt 2: Ngày 01/10/2027 trả số tiền 80.000.000 đồng.

+ Đợt 3: Chậm nhất đến ngày 01/10/2029 sẽ trả nốt số tiền 497.723.625 đồng.

Tại phiên tòa nguyên đơn ông Vũ Ngọc V yêu cầu ông phải trả cho ông V số tiền nợ gốc 657.723.625 đồng và lãi suất 10,5%/năm, tính từ ngày 14/11/2017 đến ngày xét xử 15/5/2026 (là 3.105 ngày) = 587.491.355 đồng, trừ đi số tiền lãi mà ông đã trả cho ông V 25.000.000 đồng, số tiền lãi còn lại 562.491.355 đồng. Tổng cả gốc và lãi ông V yêu cầu ông phải trả cho ông V tính đến ngày xét xử là 1.220.214.980 đồng (trong đó nợ gốc: 657.723.625 đồng, tiền lãi 562.491.355 đồng). Ông nhất trí, tuy nhiên hiện nay ông rất khó khăn về kinh tế, vì vậy đối với tiền lãi ông đề nghị nguyên đơn miễn toàn bộ tiền lãi cho ông.

* Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Lai Châu có ý kiến như sau:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về nhiệm vụ quyền hạn của Thẩm phán được phân công. Tiến hành thụ lý vụ án đúng trình tự, thủ tục và gửi thông báo thụ lý vụ án đúng thời hạn quy định; xác định đúng tư cách tố tụng của đương sự; thu thập chứng cứ khách quan, công khai; ra quyết định xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn luật định; việc cấp, tống đạt văn bản tố tụng đảm bảo. Hội đồng xét xử đã xét xử vụ án đúng nguyên tắc, thành phần. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Căn cứ các Điều 116, 117, 119; Điều 463, khoản 5 Điều 466, khoản 1 Điều 468, Điều 470 Bộ luật dân sự; khoản 3 Điều 26, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92; các Điều 147, 271, 273 và Điều 483 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán TANDTC ngày 11/1/2019 về Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Vũ Ngọc V về việc buộc anh Nguyễn Thành T thanh toán số tiền gốc là 657.723.625 đồng và số tiền lãi với mức lãi suất là 10,5%/ năm và lãi suất quá hạn trên nợ gốc quá hạn bằng 10,5% tính từ thời điểm anh T chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ, tính từ ngày 14/11/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm.

-Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về phần nghĩa vụ phải thực hiện theo quy định của pháp luật.

- Đề nghị ghi nhận và giải thích về quyền yêu cầu thi hành án dân sự và quyền kháng cáo của các đương sự

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" giữa nguyên đơn giữa nguyên đơn ông Vũ Ngọc V, địa chỉ: Bản T, xã B, tỉnh Lai Châu và bị đơn ông Nguyễn Thành T, địa chỉ tổ dân phố số B, phường Đ, tỉnh Lai Châu. Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều

39 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Lai Châu.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu ông Nguyễn Thành T phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc 657.723.625 đồng và lãi suất 10,5%/năm, tính từ ngày 14/11/2017 đến ngày xét xử 15/5/2026 (là 3.105 ngày) = 587.491.355 đồng, trừ đi số tiền lãi mà ông T đã trả cho ông V 25.000.000 đồng, số tiền lãi còn lại 562.491.355 đồng. Tổng số tiền cả gốc và lãi ông V yêu cầu ông T phải trả cho ông V tính đến ngày xét xử là 1.220.214.980 đồng (trong đó nợ gốc: 657.723.625 đồng, tiền lãi 562.491.355 đồng). Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Xét giấy vay tiền:

Tại giấy vay tiền ngày 07/6/2016, tại giấy vay nợ ngày 06/7/2016 và trong các lời khai của ông Vũ Ngọc V, ông Nguyễn Thành T và ông T cũng đều thừa nhận có việc vay tiền vào các ngày nêu trên và tổng số tiền vay là 580.000.000 đồng. Tại các giấy vay tiền và giấy vay nợ, cả ông V và anh T đều không thỏa thuận về lãi suất, phương thức trả nợ, khi đó ông T chỉ hứa đến ngày 06/7/2017 sẽ trả cho ông V số tiền trên. Như vậy, có sự việc ông V cho ông T vay tổng số tiền là 580.000.000 đồng và hai bên đều thừa nhận, đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Do đến hẹn ngày 06/7/2017 ông T không trả được số tiền trên cho ông V, nên đến ngày 14/11/2017 ông V đã đến nhà ông T để đòi tiền. Tại đây, cả hai bên cùng lập biên bản ghi nhớ thỏa thuận, thống nhất những nội dung sau:

+ Thứ nhất, lãi suất 80.000.000 đồng của lần vay đầu tiên ngày 07/6/2016 sẽ không tính lãi tháng thứ nhất (từ ngày 07/6/2016 đến ngày 05/7/2016), chỉ tính lãi của số tiền 580.000.000 đồng từ ngày 06/7/2016 với mức lãi suất 10,5%/ năm.

+ Thứ hai, cả ông V và ông T đều thỏa thuận: Số tiền lãi 1 năm là: 10,5%/năm x 580.000.000 = 60.900.000 đồng . Số tiền lãi một năm trên được chuyển thành gốc: 580.000.000 đồng + 60.900.000 đồng = 640.900.000 đồng. Từ ngày 7/7/2017 đến ngày 7/10/2017 số tiền lãi: 640.900.000 đồng x 0.875%/tháng x 3 tháng = 16.823.625 đồng. Đến ngày 07/10/2017 số tiền lãi trên được chuyển thành gốc: 640.900.000 đồng + 16.823.625 đồng = 657.723.625 đồng. Như vậy đến thời điểm ngày 07/10/2017 số tiền gốc ông T nợ ông V là 657.723.625 đồng. Việc thỏa thuận chuyển tiền lãi thành tiền gốc là do các bên hoàn toàn tự nguyện, thể hiện ý chí của các bên tham gia giao kết hợp đồng và không trái quy định của pháp luật. Do đó, căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 657.723.625 đồng.

[3.2] Về lãi suất: Ông Vũ Ngọc V yêu cầu ông Nguyễn Thành T phải trả ông V số tiền nợ gốc 657.723.625 đồng và lãi suất 10,5%/năm, tính từ ngày 14/11/2017 đến ngày xét xử 15/5/2026 (là 3.105 ngày) = 587.491.355 đồng, trừ đi số tiền lãi mà ông T đã trả cho ông V 25.000.000 đồng, số tiền lãi còn lại 562.491.355 đồng. Tổng

số tiền cả gốc và lãi ông V yêu cầu ông T phải trả cho ông V tính đến ngày xét xử là 1.220.214.980 đồng (trong đó nợ gốc: 657.723.625 đồng, tiền lãi 562.491.355 đồng). Hội đồng xét xử xét thấy, giấy vay tiền ngày 07/6/2016 và giấy vay nợ ngày 06/7/2016 các bên không thỏa thuận về lãi suất. Tuy nhiên đến ngày 14/11/2017 hai bên có lập biên bản ghi nhớ thỏa thuận lãi suất là 10,5%/năm thời gian thanh toán lãi xuất 03 tháng/lần và hai bên thống nhất đến ngày 07/01/2018 ông T chịu trách nhiệm hoàn trả cả gốc và lãi cho ông V, nhưng đến ngày 07/01/2018, ông T không thực hiện theo thỏa thuận mà hai bên đã thống nhất. Như vậy xác định hợp đồng vay tài sản giữa ông V và ông T là hợp đồng vay có thời hạn, có hạn đến 07/01/2018, lãi là 10,5%/năm. Căn cứ khoản 5 Điều 466 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán TANDTC ngày 11/1/2019 về Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, lãi suất của khoản vay trên được xác định bao gồm:

+ Lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả được xác định là 10,5% như bên thỏa thuận của hai bên.

+ Lãi trên nợ lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tại thời điểm trả nợ tương ứng với thời gian chậm trả tiền lãi trên nợ gốc, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

+ Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả bằng 150% mức lãi suất vay do các bên thỏa thuận trong hợp đồng tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác. Mức lãi suất trên nợ gốc quá hạn do các bên thỏa thuận không được vượt quá 150% mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Tuy nhiên, nguyên đơn ông V chỉ yêu cầu ông T thực hiện việc trả lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả bằng 10,5%/năm và lãi trên nợ gốc quá hạn bằng 10,5%/năm, kể từ thời điểm sau ngày lập biên bản ghi nhớ là ngày 08/01/2017; không yêu cầu ông T thực hiện trả lãi trên nợ lãi. Như vậy ông T sẽ phải chịu lãi trên nợ gốc theo lãi suất thoả thuận trong hợp đồng tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả và lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả bằng 150% lãi suất vay theo hợp đồng tương ứng với thời gian chậm trả. Xét thấy mức lãi suất trong hạn mà các bên thỏa thuận và lãi suất trên nợ gốc quá hạn mà ông V yêu cầu ông T trả là 10,5 % là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 và khoản 2 Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán TANDTC ngày 11/01/2019 về Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; bị đơn ông T cũng nhất trí với mức lãi suất trên nên. Như vậy việc ông V yêu cầu ông T trả tiền lãi cho ông từ thời điểm lập biên bản ghi nhớ từ ngày 14/11/2017 đến ngày xét xử 15/5/2026 là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về án phí: Bị đơn ông Nguyễn Thành T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của

Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Lai Châu là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, Điều 271, 273, 483 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 116, 117, 119, 357, 463, khoản 5 Điều 466, khoản 1 Điều 468, Điều 470 Bộ luật dân sự 2015; khoản 2 Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán TANDTC ngày 11/1/2019 về Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Vũ Ngọc V.

Buộc bị đơn ông Nguyễn Thành T phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn ông Vũ Ngọc V tổng số tiền gốc và tiền lãi tính đến ngày xét xử là 1.220.214.980 đồng *(Bằng chữ: Một tỷ hai trăm hai mươi triệu hai trăm mười bốn nghìn chín trăm tám mươi đồng).* Trong đó tiền nợ gốc: 657.723.625 đồng *(Bằng chữ: Sáu trăm năm mươi bảy triệu bảy trăm hai mươi ba nghìn sáu trăm hai mươi lăm đồng),* tiền lãi 562.491.355 đồng *(Bằng chữ: Năm trăm sáu mươi hai triệu bốn trăm chín mươi mốt nghìn ba trăm lăm mươi lăm đồng).*

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả.

[2] Về án phí: Buộc bị đơn ông Nguyễn Thành T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 48.606.449 đồng *(Bằng chữ:Bốn mươi tám triệu sáu trăm linh sáu nghìn bốn trăm bốn mươi chín nghìn đồng).*

[3] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy

định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh Lai Châu;
- VKSND khu vực 1 - Lai Châu;
- Phòng THADS khu vực 1- Lai Châu;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Nga